

I. MỤC TIÊU

1. PHẠM VI KIẾN THỨC CẦN KIỂM TRA

- Kiểm tra các đơn vị kiến thức đã học trong nửa đầu học kỳ I từ bài 1 đến bài 4 gồm các bài và chủ đề sau: Đơn vị kiến thức kiểm tra 10% (tương đương với 4 câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn)

Bài 1: Một số vấn đề chung về cách mạng tư sản

Bài 2. Sự xác lập và phát triển của chủ nghĩa tư bản

Bài 3. Sự hình thành Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết

Bài 4. Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay

-90% đơn vị kiến thức kiểm tra từ bài 5 đến bài 8 (mục 1,2) gồm những nội dung sau:

Bài 5: Quá trình xâm lược và cai trị của chủ nghĩa thực dân ở Đông Nam Á.

Bài 6: Hành trình đi đến độc lập ở Đông Nam Á.

Bài 7: Khái quát về chiến tranh bảo vệ tổ quốc trong Lịch sử Việt Nam.

Bài 8 : Một số cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong Lịch sử Việt Nam (từ thế kỷ III TCN đến cuối thế kỷ XIX: Mục 1,2)

2 HÌNH THỨC KIỂM TRA: (Thi theo lịch chung của nhà trường)

- Kiểm tra tập trung tại lớp

- Kiểm tra theo hình thức: Kết hợp trắc nghiệm 70% (gồm 20 câu trắc nghiệm có nhiều lựa chọn; 2 câu Đ - S) và tự luận 30% (2 câu)

II. GỢI Ý CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM THAM KHẢO

Phần I. Câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn.

Bài 1 đến bài 4.

Câu 1. Một trong những nhiệm vụ của các cuộc cách mạng tư sản từ giữa thế kỉ XVI đến đầu thế kỉ XX) là

A. xóa bỏ phong kiến, xác lập nền dân chủ tư sản.

B. đưa giai cấp công nhân lên nắm chính quyền.

C. xóa bỏ triệt để những mâu thuẫn trong xã hội.

D. xác lập sự thống trị của chủ nghĩa thực dân.

Câu 2. Từ đầu thế kỉ XIX, để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về nguyên liệu và nhân công các nước tư bản phương Tây đã tăng cường

A. hợp tác và mở rộng đầu tư.

B. thu hút vốn đầu tư bên ngoài.

C. xâm lược và mở rộng thuộc địa.

D. đổi mới hình thức kinh doanh.

Câu 3. Đầu thế kỉ XX, quốc gia nào sau đây có hệ thống thuộc địa rộng lớn nhất?

A. Đức.

B. I-ta-li-a.

C. Nhật

D. Anh.

Câu 4. Cuộc Duy tân Minh Trị (từ năm 1868) đã đưa nước nào sau đây ở khu vực Đông Á trở thành một nước tư bản chủ nghĩa ?

A. Anh.

B. Pháp.

C. Hà Lan.

D. Nhật Bản.

Câu 5: Mục tiêu của việc thành lập Nhà nước Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa

A. chống lại sự tấn công của 14 nước đế quốc.

B. thực hiện hiệu quả Chính sách Kinh tế mới.

C. hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau để cùng phát triển.

D. thực hiện “Sắc lệnh hòa bình” và “Sắc lệnh ruộng đất”.

Câu 6. Đối với Liên Xô, sự ra đời của Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết có ý nghĩa gì?

A. Tạo điều kiện để các nước cộng hòa phát triển kinh tế - xã hội.

B. Chứng minh tính khoa học, đúng đắn của học thuyết Mác - Lênin.

C. Cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân các nước thuộc địa.

D. Để lại bài học kinh nghiệm về mô hình nhà nước sau khi giành chính quyền.

Câu 7. Thắng lợi của Hồng quân Liên Xô đã tạo điều kiện cho sự ra đời của nhà nước dân chủ nhân dân ở

A. Đông Âu.

B. Tây Âu.

C. Nam Âu.

D. Bắc Âu.

Câu 8. Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, quốc gia nào sau đây đi theo con đường xã hội chủ nghĩa?

A. Việt Nam. **B. Liên Xô.** C. Trung Quốc. D. Cu-ba.

Câu 9. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, chủ nghĩa xã hội từ phạm vi một nước đã

A. trở thành một hệ thống trên thế giới.

B. trở thành siêu cường số một thế giới.

C. bị xoá bỏ hoàn toàn trên thế giới.

D. lan rộng sang các nước ở Tây Âu.

Câu 10. Thuật ngữ: “chủ nghĩa tư bản hiện đại” dùng để chỉ sự phát triển của chủ nghĩa tư bản trong giai đoạn

A. trước Chiến tranh thế giới thứ hai.

B. sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay.

C. sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đến nay.

D. trước Chiến tranh thế giới thứ nhất.

Câu 11. Năm 1949, quốc gia nào sau đây đã lựa chọn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội?

A. Trung Quốc.

B. Việt Nam.

C. Triều Tiên.

D. Cu-ba.

Bài 5: QUÁ TRÌNH XÂM LƯỢC VÀ CAI TRỊ CỦA CHỦ NGHĨA THỰC DÂN Ở ĐÔNG NAM Á

Câu 1. Từ đầu thế kỉ XVI, các nước phương Tây xâm nhập vào các nước Đông Nam Á thông qua hoạt động

A. truyền giáo.

B. thể thao.

C. du lịch.

D. nhân đạo.

Câu 2. Quá trình xâm lược của thực dân phương Tây vào khu vực Đông Nam Á diễn ra trong bối cảnh chế độ phong kiến ở Đông Nam Á

A. khủng hoảng, suy thoái. **B.** đang được hình thành. C. ổn định, phát triển. **D.** sụp đổ hoàn toàn.

Câu 3. Sau cuộc chiến tranh Mỹ - Tây Ban Nha (1898), Phi-lip-pin trở thành thuộc địa của

A. Mỹ.

B. Tây Ban Nha.

C. Bồ Đào Nha.

D. Pháp.

Câu 4. Về mặt chính trị, sau khi hoàn thành xâm lược Đông Nam Á các nước thực dân phương Tây đã thi hành chính sách

A. "chia để trị".

B. "ngu dân".

C. "đồng hóa".

D. "phản phong".

Câu 8. Quốc gia nào sau đây đã mở đầu cho quá trình xâm lược của thực dân phương Tây vào khu vực Đông Nam Á

A. Bồ Đào Nha.

B. Tây Ban Nha.

C. Anh.

D. Pháp.

Câu 5. Đến đầu thế kỉ XX, quốc gia nào sau đây ở khu vực Đông Nam Á **không** trở thành thuộc địa của thực dân phương Tây?

A. In-đô-nê-xi-a.

B. Xiêm.

C. Ma-lai-xi-a.

D. Bru-nây.

Câu 6. Trong chính sách cai trị về văn hóa, xã hội và giáo dục ở Đông Nam Á, thực dân phương Tây đã

A. kìm hãm người dân thuộc địa trong tình trạng lạc hậu.

B. phát triển kinh tế ở những nơi có điều kiện phù hợp.

C. chú trọng xây dựng hệ thống đường giao thông.

D. chú trọng thực hiện các chính sách xóa nghèo – đói.

Câu 7. Trong chính sách cai trị về văn hóa, xã hội ở Đông Nam Á, thực dân phương Tây đã

A. làm xói mòn giá trị văn hóa truyền thống của các nước thuộc địa.

B. phát triển kinh tế ở những nơi có điều kiện phù hợp.

C. chú trọng xây dựng hệ thống đường giao thông.

D. chú trọng thực hiện các chính sách xóa nghèo – đói.

Câu 8. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng ý nghĩa của công cuộc cải cách đất nước ở Xiêm (cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX)?

A. Giúp Xiêm trở thành đế quốc hùng mạnh duy nhất ở châu Á.

B. Thúc đẩy nền kinh tế tư bản chủ nghĩa ở Xiêm phát triển mạnh.

C. Lật đổ hoàn toàn chế độ phong kiến, thiết lập chế độ Cộng hòa.

D. Giúp Xiêm trở thành một trong ba trung tâm kinh tế của thế giới.

Câu 9. Từ năm 1892, vua Ra-ma V tiến hành cải cách hành chính theo mô hình của

A. Nhật Bản.

B. Trung Quốc.

C. phương Tây.

D. Ấn Độ.

Câu 10. Các nước Đông Nam Á hải đảo là đối tượng đầu tiên thu hút sự chú ý của thực dân phương Tây vì lí do nào sau đây?

- A. Là khu vực nằm trên tuyến đường biển huyết mạch Đông - Tây.
- B.** Là khu vực có dân số đông nhất và đa dạng về văn hóa, ngôn ngữ.
- C.** Là khu vực có tình trạng chính trị không ổn định do bị chia cắt.
- D.** Là khu vực có nhiều thương cảng sầm uất nhưng thiếu sự quản lý.

Câu 11. Nội dung nào sau đây là mục đích của thực dân phương Tây khi thực hiện chính sách “chia để trị” ở Đông Nam Á?

- A. Làm suy yếu sức mạnh dân tộc của các nước.
- B.** Để các nước dễ dàng trong việc buôn bán.
- C.** Để phát huy sức mạnh của từng quốc gia.
- D.** Để đầu tư cho từng nước không bị phân tán.

Câu 12. Xiêm là nước duy nhất ở Đông Nam Á giữ được độc lập tương đối về chính trị vì lí do nào sau đây?

- A. Do thực hiện đường lối ngoại giao mềm dẻo.
- B.** Do Xiêm là nước có tiềm lực mạnh về kinh tế.
- C.** Xiêm liên minh quân sự chặt chẽ với nước Mỹ.
- D.** Xiêm đã tiến hành cuộc cách mạng tư sản sớm.

Câu 13. Dựa theo các yếu tố địa lý, Đông Nam Á được chia thành hai khu vực là

- A. lục địa và đại dương.
- B.** hải đảo và đồi núi.
- C.** lục địa và hải đảo.
- D.** đồi núi và đại dương.

Câu 14. Mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam năm 1858, thực dân Pháp đã nổ súng đánh vào

- A.** Sài Gòn.
- B. Đà Nẵng.
- C.** Quảng Trị.
- D.** Hà Nội.

Câu 15. Nội dung nào dưới đây phản ánh **đúng** tình hình văn hóa của các nước Đông Nam Á dưới tác động từ chính sách cai trị của thực dân phương Tây?

- A.** Đời sống văn hóa không xuất hiện yếu tố mới.
- B. Văn hóa phương Tây du nhập vào Đông Nam Á.
- C.** Văn hóa Đông Nam Á chi phối văn hóa phương Tây.
- D.** Văn hóa phát triển, bắt kịp với trình độ của phương Tây.

Câu 16. Hầu hết người dân thuộc địa các nước Đông Nam Á đều mù chữ. Ở Mã Lai, năm 1931 chỉ có 8,5% dân số biết chữ; ở Việt Nam, năm 1926 chỉ có khoảng 6% trẻ em ở độ tuổi đi học được tới trường, hơn 90% dân số không biết chữ.

(SGK Lịch sử 11; Bộ kết nối tri thức với cuộc sống; NXB Giáo dục Việt Nam, 2023, tr.33)

Thực trạng trên là hệ quả trực tiếp của chính sách nào sau đây của thực dân phương Tây ở các nước Đông Nam Á?

- A. Ngu dân
- B.** Tăng thuế
- C.** Độc chiếm thị trường
- D.** Chia để trị

Bài 6: HÀNH TRÌNH ĐI ĐẾN ĐỘC LẬP DÂN TỘC Ở ĐÔNG NAM Á

Câu 1. Năm 1920, quốc gia nào sau đây ở khu vực Đông Nam Á thành lập Đảng Cộng sản?

- A. In-đô-nê-xi-a.
- B.** Việt Nam.
- C.** Ma-lay-xi-a.
- D.** Thái Lan.

Câu 2. Năm 1945, quốc gia nào sau đây ở khu vực Đông Nam Á tuyên bố độc lập sớm nhất?

- A.** Việt Nam.
- B. In-đô-nê-xi-a.
- C.** Lào.
- D.** Thái Lan.

Câu 2. Năm 1945, quốc gia nào sau đây ở khu vực Đông Nam Á tuyên bố độc lập muộn nhất?

- A.** Việt Nam.
- B.** In-đô-nê-xi-a.
- C. Lào.
- D.** Thái Lan.

Câu 3. Quốc gia nào sau đây ở khu vực Đông Nam Á được coi là một trong bốn “con rồng kinh tế” của châu Á?

- A.** Việt Nam.
- B.** Thái Lan.
- C. Xin-ga-po.
- D.** In-đô-nê-xi-a.

Câu 4. Quốc gia nào sau đây ở khu vực Đông Nam Á tận dụng thời cơ Nhật Bản đầu hàng Đồng minh không điều kiện (tháng 8-1945) để tiến hành giành độc lập?

- A.** Mi-an-ma, Lào, Thái Lan.
- B.** In-đô-nê-xi-a, Phi-líp-pin, Lào.
- C.** Thái Lan, Việt Nam, Cam-pu-chia.
- D. In-đô-nê-xi-a, Việt Nam, Lào.

Câu 5. Sự hình thành khuynh hướng vô sản trong phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á gắn liền với sự ra đời và phát triển của giai cấp

- A.** nông dân.
- B. công nhân.
- C.** tư sản.
- D.** địa chủ.

Câu 6. Từ giữa những năm 50 đến giữa những năm 60 của thế kỉ XX, nhóm năm nước sáng lập ASEAN đã tiến hành chiến lược phát triển kinh tế nào sau đây?

- A. Công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu. B. Công nghiệp hóa lấy xuất khẩu làm chủ đạo.
C. Công nghiệp hóa, điện khí hóa toàn quốc. D. Quốc hữu hóa các doanh nghiệp nước ngoài.

Câu 7. Từ giữa những năm 60 đến cuối những năm 80 của thế kỉ XX, nhóm năm nước sáng lập ASEAN đã tiến hành chiến lược phát triển kinh tế nào sau đây?

- A. Công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu. B. Công nghiệp hóa lấy xuất khẩu làm chủ đạo.
C. Công nghiệp hóa, điện khí hóa toàn quốc. D. Quốc hữu hóa các doanh nghiệp nước ngoài.

Câu 8. Sau nhiều thế kỉ là thuộc địa của chủ nghĩa thực dân, phần lớn các quốc gia Đông Nam Á vẫn là những nước

- A. công nghiệp phát triển. B. nông nghiệp lạc hậu.
C. công nghiệp mới. D. công nghiệp lạc hậu.

Câu 9. Từ giữa những năm 50 đến giữa những năm 60 của thế kỉ XX, nhóm năm nước sáng lập ASEAN tiến hành chiến lược công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu với mục tiêu

- A. đưa đất nước thoát khỏi tình trạng nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng nền kinh tế tự chủ.
B. nhanh chóng phát triển các ngành công nghiệp nặng, hội nhập với thị trường thế giới.
C. mở cửa nền kinh tế, thu hút vốn đầu tư, kĩ thuật và công nghệ hiện đại của nước ngoài.
D. tập trung sản xuất hàng hoá để xuất khẩu, phát triển kinh tế đối ngoại, hội nhập thế giới.

Câu 11. Nội dung nào sau đây là một trong những chính sách phát triển kinh tế của ba nước Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia được thực hiện từ những năm 80 của thế kỉ XX?

- A. Lựa chọn con đường phát triển đất nước theo hướng xã hội chủ nghĩa.
B. Tiến hành công nghiệp hóa, từng bước chuyển sang nền kinh tế thị trường.
C. Đẩy mạnh xây dựng nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp.
D. Cải cách đất nước một cách toàn diện, trong đó đổi mới chính trị là trọng tâm.

Câu 12. Phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á (1920 - 1945) mang đặc điểm nổi bật nào sau đây?

- A. Chỉ những nước đi theo con đường cách mạng vô sản giành thắng lợi.
B. Chỉ những nước đi theo con đường dân chủ tư sản giành thắng lợi.
C. Xuất hiện hai khuynh hướng cứu nước hoạt động là tư sản và vô sản.
D. Phong trào đấu tranh ở các nước đều đi theo khuynh hướng vô sản.

Câu 13. Chính sách cai trị của thực dân phương Tây ở các nước Đông Nam Á (thế kỉ XVI - XX) có điểm chung nào sau đây?

- A, Đề cao vai trò của người bản xứ để xoa dịu mâu thuẫn dân tộc.
B. Sử dụng các thế lực phong kiến địa phương làm công cụ cai trị.
C. Du nhập hoàn chỉnh phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.
D. Tạo điều kiện để kinh tế thuộc địa phát triển mạnh và toàn diện.

Câu 14. Sau chiến tranh thế giới thứ hai, một số nước Đông Nam Á bắt đầu quá trình tái thiết đất nước nhằm mục đích nào sau đây?

- A. Khắc phục hậu quả chiến tranh. B. Xây dựng chủ nghĩa xã hội.
C. Xây dựng mô hình kinh tế tập trung. D. Xóa bỏ chế độ phong kiến.

Câu 15. Quá trình xâm lược của các nước đế quốc ở khu vực Đông Nam Á mang đặc điểm nào sau đây?

- A. Diễn ra nhanh, dồn dập, nhưng chưa đạt kết quả. B. Các nước chỉ thực hiện xâm lược bằng kinh tế.
C. Kéo dài liên tục từ thế kỉ XVI đến đầu thế kỉ XX. D. Các nước chỉ thực hiện xâm lược bằng quân sự.

BÀI 7: CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM

Câu 1. Ở khu vực Đông Nam Á, Việt Nam có vị trí địa chiến lược nào sau đây?

- A. Là cầu nối giữa Trung Quốc với khu vực Đông Nam Á.

B. Nằm trên trục đường giao thông kết nối châu Á và châu Phi.

C. Là quốc gia có diện tích và dân số lớn nhất Đông Nam Á.

D. Lãnh thổ gồm cả Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á hải đảo.

Câu 2. Ở khu vực Đông Nam Á, Việt Nam có vị trí địa chiến lược nào sau đây?

A. Là cầu nối giữa Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á hải đảo.

B. Nằm trên trục đường giao thông kết nối châu Á và châu Phi.

C. Là quốc gia có diện tích và dân số lớn nhất Đông Nam Á.

D. Lãnh thổ gồm cả Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á hải đảo.

Câu 3. Nội dung nào sau đây **không** phải là truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam được hun đúc nên từ lịch sử chống giặc ngoại xâm?

A. Lòng yêu nước tha thiết.

B. Tinh thần đoàn kết keo sơn.

C. Giải quyết tranh chấp bằng bạo lực.

D. Trí thông minh sáng tạo.

Câu 4. Sau cuộc tập kích trên đất nhà Tống, Lý Thường Kiệt nhanh chóng rút quân về nước để

A. chuẩn bị lực lượng tiến công tiếp.

B. kêu gọi Chăm-pa cùng đánh Tống.

C. chuẩn bị phòng tuyến chặn giặc.

D. kêu gọi nhân dân rút lui, sơ tán.

Câu 5. Trong lịch sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc Việt Nam đến trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, cuộc kháng chiến nào sau đây **không** giành được thắng lợi?

A. Kháng chiến chống quân Nam Hán của Ngô Quyền.

B. Kháng chiến chống quân Thanh của Quang Trung.

C. Kháng chiến chống quân Mông - Nguyên của nhà Trần.

D. Kháng chiến chống Pháp của triều đình nhà Nguyễn.

Câu 6. Trong lịch sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc Việt Nam đến trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, cuộc kháng chiến nào sau đây **không** giành được thắng lợi?

A. Kháng chiến chống quân Nam Hán của Ngô Quyền.

B. Kháng chiến chống quân Thanh của Quang Trung.

C. Kháng chiến chống quân Mông - Nguyên của nhà Trần.

D. Kháng chiến chống quân Minh xâm lược của nhà Hồ.

Câu 7. Trong lịch sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc Việt Nam đến trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, cuộc kháng chiến nào sau đây **không** giành được thắng lợi?

A. Kháng chiến chống quân Nam Hán của Ngô Quyền.

B. Kháng chiến chống quân Thanh của Quang Trung.

C. Kháng chiến chống quân Mông - Nguyên của nhà Trần.

D. Kháng chiến chống quân Triệu của An Dương Vương.

Câu 8. Trong cuộc kháng chiến chống Tống (1075-1077), quân và dân nhà Lý đã sử dụng nghệ thuật quân sự nào sau đây?

A. Đánh nhanh, thắng nhanh.

B. Tiên phát chế nhân.

C. Vây thành, diệt viện.

D. Vườn không nhà trống.

Câu 9. Trong cuộc kháng chiến chống Tống (1075-1077), quân và dân nhà Lý đã sử dụng nghệ thuật quân sự nào sau đây?

A. Đánh nhanh, thắng nhanh.

B. Chủ động giảng hòa kết thúc chiến tranh.

C. Vây thành, diệt viện.

D. Vườn không nhà trống.

Câu 10. Ở Việt Nam, thắng lợi của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên ở thế kỉ XIII gắn liền với sự lãnh đạo của vương triều nào?

A. Nhà Tiền Lê.

B. Nhà Lý.

C. Nhà Trần.

D. Nhà Hồ.

Câu 11. Trong cuộc kháng chiến chống Tống (1075-1077), quân và dân nhà Lý đã sử dụng nghệ thuật quân sự nào sau đây?

A. Đánh nhanh, thắng nhanh.

B. Giảng hòa trên thế thắng.

C. Vây thành, diệt viện.

D. Vườn không nhà trống.

Câu 12. Trong cuộc kháng chiến chống Tống (1075-1077), quân và dân nhà Lý đã giành được thắng lợi nào sau đây?

- A. Chiến thắng Rạch Gầm-Xoài Mút.
- B. Chiến thắng Ngọc Hồi-Đống Đa.
- C. Chiến thắng trên sông Như Nguyệt.
- D. Chiến thắng Tây Kết, Hàm Tử.
- C. Chiến thắng trên sông Như Nguyệt.
- D. Chiến thắng Tây Kết, Hàm Tử.

Câu 14. Trong cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên (1258-1288), quân và dân nhà Trần đã giành được thắng lợi nào sau đây?

- A. Chiến thắng Rạch Gầm-Xoài Mút.
- B. Chiến thắng Ngọc Hồi-Đống Đa.
- C. Chiến thắng trên sông Như Nguyệt.
- D. Chiến thắng Tây Kết, Hàm Tử, Chương Dương.

Câu 15. Trong suốt quá trình lịch sử, dân tộc Việt Nam luôn phải đối phó với nhiều thế lực ngoại xâm và tiến hành nhiều cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc vì một trong những lí do nào sau đây?

- A. Có tài nguyên phong phú, dân cư đông đúc.
- B. Được xem là cái nôi của văn minh nhân loại.
- C. Là trung tâm văn hóa bậc nhất phương Đông.
- D. Là một quốc gia chưa có độc lập, chủ quyền.

Câu 16. Chiến thắng trên sông Bạch Đằng năm 938 của nhân dân Việt Nam có ý nghĩa to lớn

- A. là lần đầu tiên Đại Việt giành được độc lập dân tộc.
- B. mở ra thời kỳ độc lập, tự chủ lâu dài cho dân tộc.
- C. đánh tan hoàn toàn âm mưu xâm lược của phương Bắc.
- D. lần đầu tiên Đại Việt xây dựng được chính quyền tự chủ.

Câu 17. Trong suốt tiến trình lịch sử, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc của nhân dân Việt Nam có vai trò nào sau đây?

- A. Góp phần định hình bản sắc văn hóa dân tộc Việt.
- B. củng cố vị thế cường quốc kinh tế của Việt Nam.
- C. Khẳng định Việt Nam là cường quốc về quân sự.
- D. Góp phần bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc.

Câu 18. Trong suốt tiến trình lịch sử, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc của nhân dân Việt Nam có vai trò nào sau đây?

- A. Góp phần định hình bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam.
- B. Tạo điều kiện cho Việt Nam hội nhập quốc tế sâu rộng.
- C. Khẳng định Việt Nam là cường quốc về quân sự, kinh tế.
- D. Tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình xây dựng đất nước.

Câu 19. Trong lịch sử Việt Nam, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc có vai trò quyết định đối với

- A. sự sinh tồn và phát triển của dân tộc Việt Nam.
- B. chính sách đối nội, đối ngoại của đất nước.
- C. chiều hướng phát triển kinh tế của đất nước.
- D. tình hình văn hóa - xã hội của quốc gia.

Câu 20. Trong suốt tiến trình lịch sử, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc của nhân dân Việt Nam có ý nghĩa

- A. góp phần định hình bản sắc văn hóa truyền thống dân tộc.
- B. tạo điều kiện cho Việt Nam hội nhập với quốc tế sâu rộng.
- C. khẳng định Việt Nam là cường quốc về quân sự, kinh tế.
- D. hình thành và nâng cao lòng tự hào, ý thức tự cường dân tộc.

Câu 21. Trong suốt tiến trình lịch sử, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc của nhân dân Việt Nam có ý nghĩa

- A. góp phần định hình bản sắc văn hóa truyền thống dân tộc.
- B. tạo điều kiện cho Việt Nam hội nhập với quốc tế sâu rộng.
- C. khẳng định Việt Nam là cường quốc về quân sự, kinh tế.
- D. tô đậm những truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.

Câu 22. Nội dung nào sau đây **không** phải là nguyên nhân dẫn đến thất bại của nhà Hồ trong cuộc kháng chiến chống quân Minh ở thế kỉ XV?

- A. Sử dụng thế đánh phòng ngự, xây thành cố thủ.

- B. Không nhận được sự ủng hộ to lớn của nhân dân.
- C. Triều đình chỉ chú trọng xây dựng quân chính quy.

D. Sử dụng vũ khí, phương tiện chiến tranh lạc hậu.

Câu 23. Nội dung nào sau đây **không** phải là nguyên nhân dẫn đến thất bại của nhà Hồ trong cuộc kháng chiến chống quân Minh ở thế kỉ XV?

- A. Sử dụng thế đánh phòng ngự, xây thành cố thủ.
- B. Không nhận được sự ủng hộ to lớn của nhân dân.
- C. Triều đình chỉ chú trọng xây dựng quân chính quy.

D. Nhà Hồ không có tướng tài giỏi chỉ huy quân đội.

Câu 24. Cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Việt Nam (1858-1884) thất bại vì lí do chủ yếu nào sau đây?

- A. Nhân dân Việt Nam không có tinh thần yêu nước.
- B.** Triều đình nhà Nguyễn không quyết tâm chống giặc.
- C. Quân Pháp luôn huy động lực lượng áp đảo, vũ khí mạnh.
- D. Phong trào đấu tranh của nhân dân diễn ra chưa sôi nổi.

Câu 25. Nội dung nào sau đây là nguyên nhân khách quan dẫn đến một số cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc của nhân dân Việt Nam trước năm 1945 bị thất bại?

- A. Giai cấp lãnh đạo không xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân.
- B.** Tương quan lực lượng không có lợi cho nhân dân Việt Nam.
- C. Các phong trào đấu tranh diễn ra khi không có giai cấp lãnh đạo.
- D. Sai lầm trong cách tổ chức, lãnh đạo quần chúng đấu tranh.

Câu 26. Trong cuộc kháng chiến chống Tống (1075-1077), kế sách “*Tiên phát chế nhân*” của Lý Thường Kiệt nhằm mục đích nào sau đây?

- A. Phô trương tiềm lực quân sự mạnh của Đại Việt.
- B.** Tiêu hao sinh lực địch, kéo dài thời gian chuẩn bị.
- C. Đập tan hoàn toàn âm mưu xâm lược của nhà Tống.
- D. Xây dựng căn cứ quân sự ngay trong lòng quân địch.

Câu 27. Trong cuộc kháng chiến chống Tống (1075-1077), kế sách “*Tiên phát chế nhân*” của Lý Thường Kiệt nhằm mục đích nào sau đây?

- A. Phô trương tiềm lực quân sự mạnh của Đại Việt.
- B.** Ngăn chặn âm mưu xâm lược của quân Tống.
- C. Mở rộng biên giới lãnh thổ sang nước Tống.
- D. Xây dựng căn cứ quân sự ngay trong lòng quân địch.

Câu 28. Nội dung nào sau đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến thắng lợi của các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc của nhân dân Việt Nam trước năm 1945 ?

- A. Tương quan lực lượng chênh lệch có lợi cho nhân dân Việt Nam.
- B.** Nhân dân có tinh thần yêu nước đoàn kết chống giặc.
- C. Thái độ chủ quan, chưa chuẩn bị chu đáo của quân xâm lược.
- D. Tận dụng tiềm lực kinh tế mạnh để phát triển hệ thống quân sự.

Câu 29. Nội dung nào sau đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến thắng lợi của các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc của nhân dân Việt Nam trước năm 1945 ?

- A. Tương quan lực lượng chênh lệch có lợi cho nhân dân Việt Nam.
- B.** Kế sách đánh giặc đúng đắn, linh hoạt, nghệ thuật quân sự độc đáo.
- C. Thái độ chủ quan, chưa chuẩn bị chu đáo của quân xâm lược.
- D. Tận dụng tiềm lực kinh tế mạnh để phát triển hệ thống quân sự.

Câu 30. Nội dung nào sau đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến thắng lợi của các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc của nhân dân Việt Nam trước năm 1945 ?

- A. Tương quan lực lượng chênh lệch có lợi cho nhân dân Việt Nam.

- B.** Tài năng, mưu lược của những người lãnh đạo, chỉ huy.
- C.** Thái độ chủ quan, chưa chuẩn bị chu đáo của quân xâm lược.
- D.** Tận dụng tiềm lực kinh tế mạnh để phát triển hệ thống quân sự.

Câu 31. Nội dung nào sau đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến thắng lợi của các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc của nhân dân Việt Nam trước năm 1945 ?

- A.** Tương quan lực lượng chênh lệch có lợi cho nhân dân Việt Nam.
- B.** Các cuộc chiến tranh xâm lược của ngoại bang là phi nghĩa.
- C.** Thái độ chủ quan, chưa chuẩn bị chu đáo của quân xâm lược.
- D.** Tận dụng tiềm lực kinh tế mạnh để phát triển hệ thống quân sự.

Câu 32. Kế sách nào của Ngô Quyền đã được quân dân nhà Tiền Lê kế thừa, vận dụng để đánh đuổi quân Tống xâm lược (981)?

- A.** Tiên phát chế nhân.
- B.** Đánh thành diệt viện.
- C.** Vườn không nhà trống.
- D.** Đóng cọc trên sông Bạch Đằng.

BÀI 8: MỘT SỐ CUỘC KHỞI NGHĨA VÀ CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TỪ THẾ KỈ III TCN ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX)

Câu 1. Các cuộc khởi nghĩa trong thời Bắc thuộc của nhân dân Việt Nam diễn ra trong bối cảnh nào sau đây?

- A.** Đất nước có độc lập, chủ quyền.
- B.** Trung Quốc bị Mông Cổ đô hộ.
- C.** Đất nước mất độc lập, tự chủ.
- D.** Nhân dân Việt Nam đã bị đồng hóa.

Câu 2. Cuộc khởi nghĩa nào sau đây mở đầu thời kì đấu tranh chống Bắc thuộc của nhân dân Việt Nam?

- A.** Hai Bà Trưng.
- B.** Bà Triệu.
- C.** Lý Bí.
- D.** Phùng Hưng.

Câu 3. Trong thời kì đấu tranh chống Bắc thuộc, cuộc khởi nghĩa nào sau đây của nhân dân Việt Nam đã giành được thắng lợi và lập ra nhà nước Vạn Xuân?

- A.** Hai Bà Trưng.
- B.** Bà Triệu.
- C.** Lý Bí.
- D.** Phùng Hưng.

Câu 4. Cuộc đấu tranh chống ngoại xâm nào sau đây của nhân dân Việt Nam diễn ra trong thời kỳ Bắc thuộc?

- A.** Khởi nghĩa Nguyễn Trung Trực.
- B.** Khởi nghĩa Phùng Hưng.
- C.** Phong trào Tây Sơn.
- D.** Khởi nghĩa Trương Định.

Câu 5. Sự kiện nào sau đây đã kết thúc hoàn toàn hơn 1000 đô hộ của phong kiến phương Bắc, mở ra thời kì độc lập, tự chủ lâu dài cho dân tộc Việt Nam?

- A.** Khởi nghĩa Phùng Hưng lật đổ ách đô hộ của nhà Đường, giành quyền tự chủ.
- B.** Khởi nghĩa Lý Bí chống nhà Lương thắng lợi, lập ra nhà nước Vạn Xuân.
- C.** Trận chiến trên sông Bạch Đằng (938) do Ngô Quyền lãnh đạo thắng lợi.
- D.** Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo kết thúc thắng lợi hoàn toàn.

Câu 6. Cuộc khởi nghĩa nào sau đây của nhân dân Việt Nam có nhiệm vụ lật đổ ách thống trị của nhà Minh?

- A.** Khởi nghĩa Lam Sơn.
- B.** Khởi nghĩa Tây Sơn.
- C.** Khởi nghĩa Lý Bí.
- D.** Khởi nghĩa Phùng Hưng.

Câu 7. Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn của nhân dân Đại Việt chống lại quân xâm lược nào?

- A.** Nhà Hán.
- B.** Nhà Tống.
- C.** Nhà Nguyên.
- D.** Nhà Minh.

Câu 8. Khởi nghĩa Lam Sơn (1418-1427) diễn ra trong bối cảnh nào sau đây?

- A.** Đại Việt bị nhà Nguyên cai trị.
- B.** Đại Việt bị nhà Minh đô hộ.
- C.** Đại Việt bị chia cắt làm hai Đàng.
- D.** Đại Việt có độc lập, chủ quyền.

Câu 9. Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (1418-1427) kết thúc thắng lợi được đánh dấu bằng sự kiện nào sau đây?

- A.** Hội thề ở Lũng Nhai (Thanh Hóa).
- B.** Hội thề Đông Quan (Hà Nội).
- C.** Chiến thắng Tốt Động-Chúc Động.
- D.** Chiến thắng Ngọc Hồi-Đống Đa.

Câu 11. Nội dung nào sau đây **không** phải là chính sách cai trị của nhà Minh đối với nhân dân Việt Nam?

A. Thực hiện chính sách đồng hóa về văn hóa, ngu dân.

B. Thực hiện chính sách chia để trị về hành chính.

C. Đặt ra nhiều thứ thuế và chế độ lao dịch nặng nề.

D. Duy trì bộ máy cai trị cũ từ trung ương đến địa phương.

Câu 12. Các cuộc khởi nghĩa của nhân dân Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc có đặc điểm nào sau đây?

A. Diễn ra sôi nổi, liên tục và mạnh mẽ.

B. Diễn ra trên phạm vi cả nước.

C. Diễn ra khi đất nước có độc lập.

D. Các cuộc khởi nghĩa đều thắng lợi.

Câu 13. Khác với các cuộc kháng chiến chống xâm lược thời Lý - Trần, khởi nghĩa Lam Sơn diễn ra trong bối cảnh

A. nước Đại Ngu đã bị nhà Minh đô hộ.

B. Đại Việt là quốc gia độc lập, có chủ quyền.

C. nhà Minh lâm vào khủng hoảng, suy yếu.

D. nhà Nguyên lâm vào khủng hoảng, suy yếu.

Câu 14. Vào mùa hè năm 1423, Lê Lợi đã đề nghị tạm hoà với quân Minh vì

A. thiếu tướng tài, tinh thần chiến đấu của quân sĩ sa sút.

B. nghĩa quân ánh mãi không thắng nên chấp nhận cầu hoà.

C. quân sĩ khiếp sợ trước sức mạnh của giặc, tinh thần sa sút.

D. muốn tranh thủ thời gian hòa hoãn để xây dựng lực lượng.

Câu 15. Tại trận Chúc Động - Tốt Động, nghĩa quân Lam Sơn đã tổ chức đánh quân Minh như thế nào?

A. Bỏ trí mai phục, phục kích khi địch rơi vào trận địa.

B. Tấn công trực tiếp vào căn cứ của quân Minh.

C. Cố thủ và chờ viện binh để tấn công quân Minh.

D. Xây dựng hệ thống phòng tuyến quân sự kiên cố.

Câu 16. Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn đã

A. buộc nhà Minh phải thần phục, cống nạp sản vật cho Đại Việt.

B. kết thúc 20 năm đô hộ của nhà Minh, khôi phục độc lập dân tộc.

C. đưa nước Đại Việt trở thành cường quốc hùng mạnh nhất châu Á.

D. Mở ra thời kì đấu tranh giành độc lập, tự chủ cho dân tộc Việt Nam.

Câu 17. Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (1418-1427) mang tính chất nào sau đây?

A. Tính nhân dân rộng rãi.

B. Cuộc đấu tranh giai cấp quyết liệt.

C. Chiến tranh thống nhất đất nước.

D. Khởi nghĩa tự phát của nông dân.

Câu 18. Tư tưởng nào được vận dụng xuyên suốt trong khởi nghĩa Lam Sơn (1418-1427) nhằm giành độc lập dân tộc?

A. Trung quân ái quốc.

B. Tự do, dân chủ.

C. Bình đẳng, tự quyết.

D. Nhân nghĩa.

Câu 19. Nguyên nhân sâu xa dẫn đến bùng nổ các cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam thời Bắc thuộc là

A. nhân dân Việt Nam đã thiết lập được chính quyền vững mạnh.

B. chính quyền đô hộ của phương Bắc khủng hoảng, tổ chức lỏng lẻo.

C. do ách cai trị, bóc lột nặng nề của chính quyền đô hộ phương Bắc.

D. do mâu thuẫn của các thủ lĩnh người Việt với chính quyền đô hộ.

Câu 20. Nghệ thuật quân sự nào sau đây trong kháng chiến chống Tống thời Lý tiếp tục được kế thừa và phát huy trong khởi nghĩa Lam Sơn?

A. Tiên phát chế nhân.

B. Dĩ đoản chế trường.

C. Đánh nhanh, thắng nhanh.

D. Chủ động kết thúc chiến tranh.

PHẦN II. DẠNG CÂU HỎI ĐÚNG SAI.

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau:

*“Nhân dân bốn cõi một nhà, dựng cần trúc ngọn cờ phấp phới
Tướng sĩ một lòng phụ tử, hòa nước sông chén rượu ngọt ngào.
Thế trận xuất kì, lấy yếu chống mạnh,
Dùng quân mai phục, lấy ít địch nhiều.*

Trọn hay:

*Đem đại nghĩa để thắng hung tàn,
Lấy chí nhân để thay cường bạo.*

...

Chẳng đánh mà người chịu khuất, ta đây mưu phạt tâm công”.

(Theo bản dịch của Bùi Kỳ, in trong *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam thế kỉ X – XVII*, Đinh Gia Khánh (chủ biên), Nxb. Văn học, Hà Nội, 1976, tr. 363 – 369)

a) Đoạn trích là sự tổng kết tài tình nghệ thuật quân sự trong khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo

b) Xuyên suốt cuộc khởi nghĩa Lam Sơn là tư tưởng nhân nghĩa.

c) “lấy yếu chống mạnh”, “lấy ít địch nhiều” được nhắc đến trong đoạn trích không phải là một nghệ thuật quân sự.

d) Khởi nghĩa Lam Sơn thắng lợi đầu thế kỉ XV đã đưa đến sự thành lập nhà Lê sơ – một triều đại phong kiến phát triển hùng mạnh trong lịch sử dân tộc.

Câu 2: Đọc các đoạn tư liệu sau:

Sử gia Lê Văn Hưu nói: *“Trung Trắc, Trung Nhị là đàn bà, hô một tiếng mà các quận Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố cùng 65 thành ở Lĩnh Ngoại đều hưởng ứng, việc dựng nước xưng vương dễ như trở bàn tay, có thể thấy hình thế đất Việt ta đủ dựng được nghiệp bá vương”*

(Ngô Sĩ Liên, *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, NXB Khoa học Xã hội, 1998, tr. 156, 157)

a) Sử gia Lê Văn Hưu cho rằng Trung Trắc và Trung Nhị là đàn bà.

b) Nhận xét của sử gia Lê Văn Hưu cho rằng Hai Bà Trưng, dù là phụ nữ, nhưng đã dễ dàng xưng vương và dựng nước vì đã nhận được sự hưởng ứng mạnh mẽ từ các quận và thành khác.

c) Tư liệu cho rằng việc dựng nước xưng vương của Trung Trắc và Trung Nhị là nhờ vào sức mạnh quân sự của họ.

d) Tư liệu có thể được sử dụng để khẳng định rằng việc lãnh đạo hiệu quả có thể phát huy sức mạnh của một quốc gia, bất kể hoàn cảnh khó khăn.

Câu 3: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Chính quyền thực dân thường chia một nước hoặc vùng thuộc địa thành các vùng miền với các hình thức cai trị khác nhau và do đó, dân cư mỗi vùng trong một nước lại chịu nhiều hình thức cai trị khác nhau, tạo ra sự mâu thuẫn giữa họ với nhau để thực dân dễ bề cai trị... Ví dụ, khi thống trị ở Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po và Bru-nây, thực dân Anh đã hoà trộn ba khu vực này vào nhau, sau đó chia thành bốn khu vực mới với chế độ cai trị khác nhau.”

(Theo Lương Ninh (Chủ biên), *Lịch sử Đông Nam Á*, NXB Giáo dục, 2005, tr. 233-234)

a) Đoạn trích tóm tắt quá trình thực dân Anh xâm lược một số quốc gia trong khu vực Đông Nam Á

b) “Chính quyền thực dân thường chia một nước hoặc vùng thuộc địa thành các vùng miền với các hình thức cai trị khác nhau....” là biểu hiện rõ nét của chính sách “chia để trị”

c) Chính quyền thực dân chia một nước hoặc vùng thuộc địa thành các vùng miền với các hình thức cai trị khác nhau nhằm mục đích chia rẽ khối đoàn kết dân tộc ở các nước thuộc địa

d) “Chia để trị” là chính sách cai trị độc đáo, khác biệt của thực dân Anh so với các nước thực dân khác trong quá trình cai trị Đông Nam Á

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Chúng lập ba chế độ khác nhau ở Trung, Nam, Bắc để ngăn cản việc thống nhất nước nhà của ta, để ngăn cản dân tộc ta đoàn kết.

... Chúng ràng buộc dư luận, thi hành chính sách ngu dân. Chúng dùng thuốc phiện, rượu cồn để làm cho nòi giống ta suy nhược.

...Về kinh tế, chúng bóc lột dân ta đến tận xương tủy, khiến cho dân ta nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác, tiêu điều”.

(Hồ Chí Minh, *Tuyên ngôn Độc lập*, trích trong: Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.1 – 2)

a) Đoạn trích trong bản Tuyên ngôn Độc lập của Hồ Chí Minh tập trung tố cáo tội ác của phát xít Nhật trong quá trình thống trị Việt Nam.

b) Những tội ác của chính quyền thực dân đối với nhân dân ta được thể hiện toàn diện trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục.

c) Một trong những chính sách cai trị của chính quyền thực dân được nhắc đến trong đoạn trích là chính sách “chia để trị”

d) ...“ràng buộc dư luận”, “chính sách ngu dân”, “dùng thuốc phiện, rượu cồn” là những chính sách và tội ác của chính quyền thực dân trên lĩnh vực chính trị.

Câu 5: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Ở Việt Nam, sáng 1/9/1858 Thực dân Pháp nổ súng tấn công bán đảo Sơn Trà (Đà Nẵng) cuộc chiến đấu chống xâm lược của nhân dân Việt Nam đã làm thất bại kế hoạch “đánh nhanh thắng nhanh” của thực dân Pháp. Các cuộc khởi nghĩa lan rộng ra các tỉnh Nam Kỳ và Bắc Kỳ, thu hút sự tham gia của đông đảo các tầng lớp quần chúng nhân dân với những hình thức đấu tranh phong phú. Thực dân Pháp phải trải qua 26 năm mới áp đặt được nền bảo hộ trên đất nước Việt Nam.

a. Khi xâm lược Việt Nam vào nửa cuối thế kỉ XIX, thực dân Pháp đã chọn Đà Nẵng là điểm tấn công đầu tiên.

b. Khi xâm lược Việt Nam, thực dân Pháp thực hiện kế hoạch “đánh nhanh thắng nhanh” và đã nhanh chóng hoàn thành xâm lược Việt Nam trong khoảng thời gian ngắn.

c. Trong quá trình xâm lược, thực dân Pháp liên tục vấp phải sự kháng cự quyết liệt của các tầng lớp nhân dân Việt Nam.

d. Năm 1884, thực dân Pháp đã áp đặt được nền bảo hộ trên đất nước Việt Nam.

Câu 6. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Kể từ khi thành lập đến nay, tuy gặp nhiều khó khăn, phức tạp về chính trị, kinh tế, chịu sức ép của các nước lớn từ nhiều phía, nhưng tổ chức ASEAN đã tồn tại và phát triển với nhiều triển vọng tốt đẹp ở khu vực Đông Nam Á và trên thế giới. Từ một tổ chức không tên tuổi, liên kết các quốc gia nhỏ, yếu trong khu vực để đối phó với những thách thức từ bên trong và bên ngoài, trong đó trước hết là những thách thức về an ninh và kinh tế để bảo vệ sự tồn tại của mình, ngày nay ASEAN đã trở thành một tổ chức có uy tín lớn trên thế giới”.

(Nguyễn Anh Thái (Cb), *Lịch sử thế giới hiện đại*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2006, tr. 363).

a) ASEAN là tổ chức hợp tác ở khu vực Đông Nam Á ra đời sau Chiến tranh lạnh.

b) Quá trình phát triển từ ASEAN 5 lên ASEAN 10 gặp nhiều khó khăn và trở ngại.

c) Vấn đề Biển Đông là nhân tố duy nhất tạo ra nguy cơ chia rẽ trong quan hệ giữa các nước ASEAN.

d) Sau Chiến tranh lạnh, những chuyển biến phức tạp của thế giới đã buộc các nước ASEAN phải chuyển trọng tâm sang hợp tác an ninh, chính trị.

Câu 7. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Một bản hiệp ước chuẩn bị sẵn gồm 27 điều khoản được trao cho triều đình Huế và chỉ được trả lời “thuận” hay “không thuận” trong vòng 24 giờ đồng hồ. Không còn cách nào khác, ngày 25-8-1883, đại diện triều đình Huế đành kí nhận hiệp ước (thường gọi là Hiệp ước Hác-măng)”.

(Nguyễn Phan Quang, *Việt Nam thế kỉ XX (1802 – 1884)*, NXB

Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, 1999, tr.331)

- a) Theo đoạn tư liệu, đây là cuộc kháng chiến không thành công trong lịch sử Việt Nam.
b) Đối tượng của cuộc kháng chiến là liên quân Pháp – Hoa, diễn ra vào cuối thế kỉ XIX.
c) Tinh thần chống Pháp của đình Huế và nhân dân đã làm chậm quá trình Pháp bình định Việt Nam.
d) Nguyên nhân dẫn đến cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược thất bại là do triều Nguyễn không phát huy được sức mạnh toàn dân tộc.

Câu 1	A - Đ	B - Đ	C - S	D - Đ
Câu 2	A - Đ	B - Đ	C - S	D - Đ
Câu 3	A- S	B- Đ	C- Đ	D - S
Câu 4	A -S	B - Đ	C - Đ	D - S
Câu 5	A -Đ	B -S	C- Đ	D- Đ
Câu 6	A - S	B - Đ	C - S	D - S
Câu 7	A - Đ	B - S	C - Đ	D - Đ

PHẦN III. CÂU HỎI TỰ LUẬN.

Câu 1: Phong trào đấu tranh chống thực dân ở các nước Đông Nam Á lục địa diễn ra như thế nào? Nêu nhận xét? Liên hệ thực tế những ảnh hưởng của chế độ thực dân đối với Việt Nam?

Câu 2: Nêu các giai đoạn phát triển chính của cuộc đấu tranh giành độc lập ở Đông Nam Á từ cuối XIX đến 1975? Nêu nhận xét? Nêu các ví dụ thể hiện ảnh hưởng tiêu cực của chế độ thực dân Pháp đối với Việt Nam?

Câu 3: Phân tích nguyên nhân thành công, không thành công của các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam trước 1945? Lấy dẫn chứng cụ thể để chứng minh?

Câu 4: Kể tên một số cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu/các vị tướng tài giỏi của dân tộc Việt Nam trước cách mạng tháng Tám? Em có ấn tượng với vị tướng nào nhất trong giai đoạn này? Vì sao?

..... HẾT.....